TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2023
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh P*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Phạm Thị Loan

2.Bà Nguyễn Thị Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1979;

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Bùi Tiến P, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- *Người đại diện hợp pháp cho anh P*: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P: Bà Trần Thị Liễu – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị T, anh P, bà N và bà Liễu)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Tiến P tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P vào ngày 27/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh P. Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị lại mâu thuẫn với mẹ chồng và gia đình anh P. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 3/2023, chị đã về hẳn nhà bố mẹ đẻ ở An Cầu sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh Bùi Tiến P có 01 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 03/7/2011. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P và cháu Hòa bị khuyết tật nặng, dạng thần kinh, được hưởng trợ cấp xã hội từ năm 2019 đến nay. Anh P được hưởng 540.000 đồng/tháng, cháu Hòa 720.000 đồng/tháng. Gia đình chị thuộc hộ cận nghèo của địa P.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Tiến P trình bày:

Anh xác định thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Đào Thị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên đánh cãi, chửi nhau, đã nhiều lần chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng anh đi tìm về, chị T lại về. Từ tháng 3/2023 chị T về hẳn nhà bố mẹ đẻ ở An Cầu sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, anh nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị Đào Thị T có 01 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 03/7/2011. Ly hôn, anh để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không có khả năng cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xác định tình trạng bệnh tật của anh và cháu Hòa cũng như mức trợ cấp mà chị T đã trình bày là đúng.

Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Không bổ sung thêm ý kiến nào và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Hòa: cháu Hòa có nguyện vọng ở cùng mẹ.

Kết quả xác minh với ông Nguyễn Duy Quân là Công chức lao động thương binh xã hội xã Q cung cấp: Gia đình anh Bùi Tiến P và chị Đào Thị T thuộc hộ cận nghèo của địa P. Anh P và cháu Hòa đều được hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội người khuyết tật nặng (dạng thần kinh ở mức độ nặng), anh P được hưởng 540.000 đồng/tháng, do cháu Hòa là trẻ em nên ở mức 720.000 đồng/tháng.

Kết quả xác minh với cơ sở Thôn L, xã Q và Thôn T xã C, cơ sở thôn cung cấp: Chị Đào Thị T và anh Bùi Tiến P là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết, chỉ biết vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ lâu chị T không sinh sống tại gia đình anh P nữa. Nay chị T có đơn ly hôn, cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T, anh P có 01 con chung là cháu Bùi Thị H sinh ngày 04/7/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T, anh P ly hôn về nuôi con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung cơ sở thôn không biết rõ. Gia đình anh T, chị P thuộc hộ cận nghèo của địa P. Anh P và cháu Hòa bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội. Trước kia có thời gian anh P lao động được, còn thời gian gần đây không thấy anh P lao động.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Bùi Tiến P; Xử giao con chung Bùi Thị H sinh ngày 04/7/2011 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom và giáo dục con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Bùi Tiến P, do anh P là bị đơn cư trú Thôn L, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Bùi Tiến P là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 27/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 3/2023, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, chị xin ly hôn anh P. Anh P cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh nhất trí ly hôn chị T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan T đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh, chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Bùi Tiến P có 01 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 04/7/2011. Ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Anh P nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh nhất trí quan điểm của chị T về việc chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T thấy: chị T có đủ điều kiện để nuôi con, con chung có nguyện vọng ở với chị T, cháu Hòa giới tính nữ cần được quan T chăm sóc đặc biệt từ mẹ. Anh P là người khuyết tật, đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và đáp ứng được nguyện vọng của con chung, phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điêu 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Đào Thị T và anh Bùi Tiến P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị T thuộc hộ cận nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Bùi Tiến P.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Bùi Thị Hòa, sinh ngày 04/7/2011 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung. Chị T, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đào Thị T. Trả lại chị T số tiền 300.000 đồng mà chị T đã đã nộp theo biên lai thu số 0005834 ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đào Thị T, bị đơn anh Bùi Tiến P và người đại diện hợp pháp cho anh P bà Đỗ Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên